

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 4/03/2024
Vv: “Xin ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tự
Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trương Văn Ánh
2/Ông Lê Minh Thư

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 4 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/TB-TLVA ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)
ĐKHKT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2.Bị đơn: Chị Thân Thị Ngọc Á, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)
ĐKHKT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp T, xã T, B, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2024 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh Phạm Văn T và chị Thân Thị Ngọc Á cưới nhau vào năm 2013. Hôn nhân do quen biết và được sự chấp thuận của hai gia đình, anh T, chị Á tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau đó, vợ chồng anh T tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tích Thiện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2014, quyền số 01/2014. Nữ trang cưới gồm có 01 cây vàng 24k hiện số vàng đã sử dụng chỉ tiêu gia đình.

Sau khi cưới vợ chồng anh T về sinh sống tại gia đình bên chồng tại địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi ly thân, thì chị Á đi làm và sinh sống tại Tổ G, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời kỳ hôn nhân anh T có một con chung là bé Phạm Cao N; sinh ngày 17/10/2014 hiện bé do anh T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh T không tạo ra tài sản chung và vợ chồng anh T không có nợ ai.

Lý do ly hôn, khoảng thời gian gần đây anh T và chị Á thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, dẫn đến không thể hòa hợp. Nguyên nhân là do chị Á bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống kinh tế tiền bạc trong gia đình gặp nhiều khó khăn, từ đó, vợ chồng không thể hòa thuận, anh T đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau để thay đổi, mong rằng sẽ hàn gắn được tình cảm nhưng đều không thành, dẫn đến tình cảm mai một theo thời gian. Hiện anh T, chị Á đã ly thân hơn một năm nay, ai cũng có cuộc sống riêng.

Nay xét thấy cả hai đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với nhau như trước, anh T yêu cầu tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết cho anh T những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn thân: Anh Phạm Văn T xin ly hôn chị Thân Thị Ngọc Á.

Về con chung: Anh Phạm Văn T có nguyện vọng được nuôi bé Phạm Cao N, sinh ngày 17/10/2014 và anh T không yêu cầu chị Thân Thị Ngọc Á cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Anh T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai ngày 03/02/2024 của chị Thân Thị Ngọc Á trình bày:

Chị Á và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2014, quyền số 01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Á sinh sống tại Vĩnh Long cho đến cuối năm 2017 đến tỉnh Bình Dương sinh sống, làm việc. Đến năm 2021 thì hai người sống ly thân với nhau.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào biết bổn phận của người đó.

Chị Á và anh T đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành.

Nay chị Á yêu cầu:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Ngọc Á đồng ý ly hôn anh Phạm Văn T. Việc ly hôn là do chị Á tự nguyện.

2/ Về con chung: Vợ chồng chị Á, anh T có 01 con chung là cháu Phạm Cao N, sinh ngày 17/10/2014. Nay ly hôn chị Á đồng ý cho anh Phạm Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Cao N đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị Á không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3/ Tài sản chung: không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/01/2024 của anh T, nội dung đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và phiên tòa xét xử. Lý do: anh đi làm công nhân ở xa, không xin nghỉ được nên không thể tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

Xét đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 03/02/2024 của chị Thân Thị Ngọc Á. Chị Á thống nhất theo yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T. Lý do: chị đi làm công nhân ở xa, không xin nghỉ được nên không thể tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thân Thị Ngọc Á.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, anh Phạm Văn T và chị Thân Thị Ngọc Á kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2014, quyền số 01/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, đời sống kinh tế tiền bạc trong gia đình gặp nhiều khó khăn, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó anh T không còn mong muốn cùng chị Á xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên anh T xin ly hôn. Xét yêu cầu của anh T là có cơ sở nên áp dụng Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Thân Thị Ngọc Á.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Phạm Văn T và chị Thân Thị Ngọc Á có sinh một con chung tên Phạm Cao N, sinh ngày 17/10/2014. Hiện anh T đang chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N. Anh T không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con. Xét để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu N không bị thay đổi nên đề anh T tiếp tục nuôi cháu là phù hợp với nguyện vọng của anh T và cháu N. Anh T không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và không trái pháp luật. Xét yêu cầu của anh T là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét

chấp nhận. Anh Phạm Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Cao N: sinh ngày 17/10/2014, anh T không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thân Thị Ngọc Á được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị Á không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Á.

[5] Về quan hệ tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Phạm Văn T nộp 300.000 đồng, anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013314 ngày 01/02/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T được ly hôn chị Thân Thị Ngọc Á.

2/ Về con chung: Anh Phạm Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Cao N, sinh ngày 17/10/2014, anh T không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thân Thị Ngọc Á được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị Á không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Á.

3/ Về quan hệ tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Anh Phạm Văn T nộp 300.000 đồng. Anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013314 ngày 01/02/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]Án xử công khai anh Phạm Văn T và chị Thân Thị Ngọc Á xin vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- UBND xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu